

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Phạm Hùng	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
Ông Phan Huy Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/10/2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
----------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Quang Hưng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Số: 243 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn của Công ty có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến ngày 31/12/2020 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án tại thời điểm 31/12/2020 là 17,3 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 16,32 tỷ đồng). Công ty đã lập hồ sơ đề nghị chủ đầu tư giá trị bổ sung 27,7 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư đang tiếp tục làm việc về giá trị bổ sung này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm 2020 của Công ty.

Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2020 bao gồm công trình 82 Nguyễn Tuấn đã quyết toán, giá trị dở dang còn lại chưa được ghi nhận vào chi phí khoảng 10,2 tỷ đồng. Nếu ghi nhận đầy đủ theo quy định thì lỗ trên Báo cáo tài chính sẽ tăng lên 10,2 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2020, ngoài hai khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hai công trình nêu trên, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty không thay đổi qua các năm với giá trị khoảng 57 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 4,4 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 là 2,9 tỷ đồng).

Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được Công ty đối chiếu đầy đủ, cụ thể: Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 52,1 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 66,8 tỷ đồng), trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2020 là 11,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 14 tỷ đồng), phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 65,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 74,7 tỷ đồng), phải trả người bán tại ngày 31/12/2020 là 51,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 103,3 tỷ đồng), người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2020 là 14,5 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 43,2 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 40 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 37,9 tỷ đồng), vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 1,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 2,2 tỷ đồng). Tại ngày 31/12/2020, có một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty không thay đổi qua các năm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 42,8 tỷ đồng, phải trả người bán là 72,6 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 10,5 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 30 tỷ đồng, phải thu khác là 54,5 tỷ đồng và phải trả khác là 63,9 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và thanh toán các khoản công nợ này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2, trong đó mô tả về tính hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 446/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 09/04/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (về vấn đề chưa đánh giá khoản lỗ tiềm tàng, chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế, chưa có đủ thư xác nhận một số khoản công nợ phải thu, phải trả).



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.620.522.542	419.096.386.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.027.182.600	67.937.937.470
1. Tiền	111		4.327.182.600	53.787.937.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.700.000.000	14.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.350.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.350.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.757.654.742	222.752.507.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	90.945.508.422	94.752.947.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.856.304.459	16.610.625.158
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	114.957.013.429	130.940.106.564
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.001.171.568)	(19.551.171.568)
IV. Hàng tồn kho	140	10	95.657.900.354	128.405.941.884
1. Hàng tồn kho	141		95.657.900.354	128.405.941.884
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.827.784.846	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.827.784.846	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.589.086.820	44.828.657.488
I. Tài sản cố định	220		9.172.774.169	10.704.338.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.435.611.598	9.935.882.700
- Nguyên giá	222		21.620.879.516	23.218.279.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.185.267.918)	(13.282.396.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	737.162.571	768.455.307
- Nguyên giá	228		889.636.601	889.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.474.030)	(121.181.294)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.228.913.617	18.228.913.617
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	18.228.913.617	18.228.913.617
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	14.390.211.000	14.390.211.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.200.000.000	12.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.380.000.000	3.380.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.189.789.000)	(1.189.789.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		797.188.034	1.505.194.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	797.188.034	1.505.194.864
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		387.209.609.362	463.925.044.375

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		356.916.718.078	418.490.423.079
I. Nợ ngắn hạn	310		356.916.718.078	418.276.534.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	137.553.958.658	181.640.791.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	60.744.387.046	87.304.515.443
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.625.979.198	4.815.135.761
4. Phải trả người lao động	314		848.064.739	1.024.075.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.544.925.193	16.302.588.009
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	65.181.606.274	66.754.463.738
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	70.003.356.048	60.015.022.863
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		414.440.922	419.940.922
II. Nợ dài hạn	330		-	213.888.905
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	213.888.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.292.891.284	45.434.621.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	30.292.891.284	45.434.621.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.450.000.000	45.450.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.656.058.716)	(4.514.328.704)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(4.514.328.704)	(4.787.332.019)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(15.141.730.012)	273.003.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		387.209.609.362	463.925.044.375



Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng



Dương Quang Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	121.503.264.834	275.690.207.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		121.503.264.834	275.690.207.442
4. Giá vốn hàng bán	11	23	125.078.808.269	270.079.828.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3.575.543.435)	5.610.378.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.398.236.565	886.857.000
7. Chi phí tài chính	22	25	3.745.016.297	3.114.727.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.745.016.297	3.114.727.199
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.923.650.315	4.558.749.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(8.845.973.482)	(1.176.240.408)
11. Thu nhập khác	31	28	7.918.279.021	5.292.938.020
12. Chi phí khác	32	29	14.214.035.551	3.843.694.297
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.295.756.530)	1.449.243.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.141.730.012)	273.003.315
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(15.141.730.012)	273.003.315
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(3.332)	60

Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng





Dương Quang Hưng
Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(15.141.730.012)	273.003.315
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	533.188.862	1.176.129.838
Các khoản dự phòng	03	(1.550.000.000)	(790.764.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.299.861.589)	(1.661.789.512)
Chi phí lãi vay	06	3.745.016.297	3.114.727.199
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.713.386.442)	2.111.306.840
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.717.067.945	94.200.515.570
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	32.748.041.530	35.841.847.940
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71.388.562.675)	(97.480.128.921)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	708.006.830	(309.323.545)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.878.995.297)	(2.343.320.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(47.373.354)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	260.320.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(297.323.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.807.828.109)	31.936.521.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	900.000.000	2.227.590.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.350.000.000)	(6.850.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9.150.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.398.236.565	886.774.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.051.763.435)	5.414.364.007
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.367.005.399	64.733.109.806
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.418.168.725)	(76.203.457.156)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.069.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.948.836.674	(11.473.416.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(49.910.754.870)	25.877.468.541
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	67.937.937.470	42.060.468.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.027.182.600	67.937.937.470


Đỗ Trung Dũng
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021


Đỗ Văn Hùng
 Kế toán trưởng


Dương Quang Hưng
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101058736 cấp lần đầu ngày 31/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 45.450.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 29 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà;
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thi công xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình trạng
1	Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới	Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	Đang hoạt động
2	Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình	Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, Hà Nội	Đang hoạt động

Danh sách các Công ty liên kết của Công ty:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20%	20%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Thái Nguyên	38%	38%

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam: Công ty mẹ sở hữu 52,15% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam: Cùng cổ đông góp vốn - Công ty mẹ;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 19.656.058.716 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 4.514.328.704 đồng); đồng thời tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 12.296.195.536 đồng, điều này có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đặt ra kế hoạch thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi công nợ, quyết toán công trình dở dang và tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản nợ tới hạn trả trong năm tiếp theo. Do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2020 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá, ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) *Các công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

102
C
KI
V
NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 9.374.878.282 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	73.954.289	1.065.231.878
Tiền gửi ngân hàng	4.253.228.311	52.722.705.592
Các khoản tương đương tiền (i)	13.700.000.000	14.150.000.000
	18.027.182.600	67.937.937.470

Ghi chú:

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.350.000.000	10.350.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.350.000.000	10.350.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng.

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.200.000.000	1.189.789.000		12.200.000.000	1.189.789.000	
Công ty Cổ phần Bao Bi Sông Công	4.200.000.000	-	(*)	4.200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	8.000.000.000	1.189.789.000	(*)	8.000.000.000	1.189.789.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	3.380.000.000	-		3.380.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp Đức Giang	1.200.000.000	-	(*)	1.200.000.000	-	(*)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2.180.000.000	-	(*)	2.180.000.000	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20%	20%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Thái Nguyên	37,98%	37,98%

Ghi chú:

- (*) Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng như không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon (“Bê tông Vinaincon”) có vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty sở hữu 8.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ của Bê tông Vinaincon. Trong năm, Công ty hoạt động lỗ 6.477.600.278 đồng. Công ty có lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2020 là 27.360.408.901 đồng (lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 20.882.808.623 đồng).

Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công (“Sông Công”) có vốn điều lệ là 11.057.500.000 đồng, trong đó Công ty sở hữu 4.200.000.000 đồng, tương đương 37,98% vốn điều lệ của Sông Công. Trong năm, Công ty hoạt động có lãi 1.258.899.157 đồng. Công ty có lãi lũy kế tới ngày 31/12/2020 là 1.273.124.980 đồng (lãi lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 14.225.823 đồng).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Đầu tư bất động sản Đông Anh	19.478.368.020	19.379.405.020
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	7.786.383.796	7.786.383.796
Sở Khoa học CN Hà Nội - DA TT GD CN thường xuyên	6.340.999.008	5.822.060.008
XL 7 - Đường ống nước số 2 Sơn Động 3	4.800.276.765	4.800.276.765
BQLDA Khu vực phía Nam - Ngân hàng BIDV	4.696.947.458	4.696.947.458
XN Cơ giới - CT Xưởng Cơ khí chính	3.333.322.391	3.333.322.391
Ban Quản lý Dự án đầu tư quận Ba Đình	5.527.185.163	1.187.378.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	6.493.662.439
Các đối tượng khác	32.488.363.382	41.253.511.502
	90.945.508.422	94.752.947.379
b. Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan	14.485.950.635	14.485.950.635
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Linh Ngân	5.881.921.050	-
Công ty Cổ phần Gia An Group Việt Nam	6.299.781.712	-
Công ty TNHH Xây dựng và TM QP Việt Nam	3.729.663.741	2.115.785.029
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Công ty CP Công nghệ xây dựng Hoa Mai	1.300.000.000	-
Các đối tượng khác	11.984.295.929	12.834.198.102
	30.856.304.459	16.610.625.158
b. Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	1.660.642.027	1.660.642.027

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng (i)	66.303.030.316	74.026.545.339
Công ty 27/7 Ninh Bình - CT XMTN	3.628.925.510	3.628.925.510
Đặng Cẩm Thi - Phòng KHDA Công ty	-	5.500.000.000
Tân - CT Gia cổ Sông Nhuệ	4.123.936.278	4.067.968.278
H.V.Tinh - CT khu đất 1,65ha Cổ Nhuế	3.860.329.225	3.860.329.225
Thiện-CT Viettel Cà Mau	4.182.070.959	4.036.066.629
Các đối tượng phải thu khác	32.858.721.141	35.820.271.583
	114.957.013.429	130.940.106.564

Ghi chú:

(i) Chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên, tổ đội phục vụ thi công công trình.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Dương Đức Hạnh	2.363.015.009	2.363.015.009	2.363.015.009	2.363.015.009
Công ty Chế tạo máy	5.436.575.194	5.436.575.194	5.436.575.194	5.436.575.194
Ông Đào Mạnh Hùng	961.414.679	961.414.679	2.411.414.679	2.411.414.679
Ông Trần Văn Phúc	1.600.816.467	1.600.816.467	1.600.816.467	1.600.816.467
Các đối tượng khác	7.639.350.219	7.639.350.219	7.739.350.219	7.739.350.219
	18.001.171.568	18.001.171.568	19.551.171.568	19.551.171.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	702.728.874	-	3.859.659.648	-
Công cụ, dụng cụ	12.370.818	-	12.370.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.942.800.662	-	124.533.911.418	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn - Hà Nội</i>	<i>17.315.397.659</i>	<i>-</i>	<i>16.321.371.910</i>	<i>-</i>
<i>Dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên</i>	<i>8.949.507.319</i>	<i>-</i>	<i>8.949.507.319</i>	<i>-</i>
<i>Xây dựng trụ sở BIDV Bạc Liêu</i>	<i>5.586.928.965</i>	<i>-</i>	<i>5.586.928.965</i>	<i>-</i>
<i>Tổ hợp Trung tâm Thương mại & Căn hộ CC New Melbourne Bắc Ninh</i>	<i>6.142.800.443</i>	<i>-</i>	<i>4.651.401.896</i>	<i>-</i>
<i>Công trình nhà máy xi măng Thái Nguyên</i>	<i>3.098.391.246</i>	<i>-</i>	<i>3.098.391.246</i>	<i>-</i>
<i>Trường tiểu học Kim Chung 2 Đông Anh</i>	<i>5.212.248.609</i>	<i>-</i>	<i>128.018.003</i>	<i>-</i>
<i>Trung tâm GDTX-Sở KHCN Hà Nội</i>	<i>4.129.053.440</i>	<i>-</i>	<i>4.920.791.698</i>	<i>-</i>
<i>CT: 82 Nguyễn Tuân phần thân</i>	<i>10.260.699.537</i>	<i>-</i>	<i>28.978.788.348</i>	<i>-</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>34.247.773.444</i>	<i>-</i>	<i>51.898.712.033</i>	<i>-</i>
	95.657.900.354	-	128.405.941.884	-

182
 CC
 KIẾ
 V
 NH

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm	13.486.196.178	4.255.393.270	5.253.505.524	223.184.544	23.218.279.516
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.597.400.000)	-	-	(1.597.400.000)
Tại ngày cuối năm	13.486.196.178	2.657.993.270	5.253.505.524	223.184.544	21.620.879.516

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày đầu năm	4.878.403.284	2.927.303.464	5.253.505.524	223.184.544	13.282.396.816
Khấu hao trong năm	305.424.038	196.472.088	-	-	501.896.126
Thanh lý, nhượng bán	-	(599.025.024)	-	-	(599.025.024)
Tại ngày cuối năm	5.183.827.322	2.524.750.528	5.253.505.524	223.184.544	13.185.267.918

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	8.607.792.894	1.328.089.806	-	-	9.935.882.700
Tại ngày cuối năm	8.302.368.856	133.242.742	-	-	8.435.611.598

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 7.892.998.640 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 8.648.448.588 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 9.286.727.464 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 7.442.949.072 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	814.636.601	-	75.000.000	889.636.601
Phân loại lại	-	75.000.000	(75.000.000)	-
Tại ngày cuối năm	814.636.601	75.000.000	-	889.636.601
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	83.681.294	-	37.500.000	121.181.294
Khấu hao trong năm	16.292.736	15.000.000	-	31.292.736
Phân loại lại	-	37.500.000	(37.500.000)	-
Tại ngày cuối năm	99.974.030	52.500.000	-	152.474.030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	730.955.307	-	37.500.000	768.455.307
Tại ngày cuối năm	714.662.571	22.500.000	-	737.162.571

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư dự án Xuân Phương	252.950.947	252.950.947
Xây dựng nhà điều hành (i)	17.975.962.670	17.975.962.670
	18.228.913.617	18.228.913.617

Ghi chú:

- (i) Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Dự án mới thực hiện triển khai ở giai đoạn đầu, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp.

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Thanh Thủy theo Hợp đồng số 40/HĐKT ngày 14/10/2015, tuy nhiên theo Thông báo số 740/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, hồ sơ đề xuất chuyển nhượng dự án của nhà đầu tư còn một số nội dung tồn tại chưa đủ điều kiện báo cáo UBND thành phố xem xét việc chuyển nhượng, do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội thông báo trả hồ sơ đề nghị chuyển nhượng dự án sau khi Công ty hoàn thiện hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sẽ thẩm định và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	797.188.034	1.505.194.864
	797.188.034	1.505.194.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
GT19.2 dg mỏ đá với Xi măng-Tân Việt	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978
Công ty TNHH Sunghsin Vina	6.880.000.000	6.880.000.000	7.460.619.000	7.460.619.000
Công ty TNHH Việt Đức	6.200.000.000	6.200.000.000	6.950.000.000	6.950.000.000
Công ty CP XNK TM và XD Ngọc Khánh	5.879.602.000	5.879.602.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhật Nam	4.400.000.000	4.400.000.000	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	4.593.255.000	4.593.255.000	4.593.255.000	4.593.255.000
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tùng Sơn	4.350.306.895	4.350.306.895	1.261.922.500	1.261.922.500
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Gia Nhân	630.408.069	630.408.069	14.087.625.277	14.087.625.277
Công ty TNHH Tâm Phúc	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611
Các đối tượng khác	91.575.138.105	91.575.138.105	128.542.121.362	128.542.121.362
	137.553.958.658	137.553.958.658	181.640.791.728	181.640.791.728
b. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	4.593.255.000	4.593.255.000	6.342.895.208	6.342.895.208
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)				

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Huyện Đông Anh	10.508.994.000	28.500.000.000
Công an tỉnh Lai Châu	15.113.755.902	15.113.755.902
Ban QLDA Đầu tư XD khu vực Agribank	2.909.699.807	-
Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt	-	27.560.831.895
Ban QLDA Đầu tư XD Quận Bắc Từ Liêm	11.772.121.000	-
Các đối tượng khác	20.439.816.337	16.129.927.646
	60.744.387.046	87.304.515.443
b. Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan	3.709.145.991	3.709.145.991
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thực thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	249.910.177	2.077.695.023	1.827.784.846
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.771.233	15.771.233	-
	-	265.681.410	2.093.466.256	1.827.784.846
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.047.612.529	378.558.542	514.812.011	2.911.359.060
Thuế thu nhập cá nhân	314.888.416	193.303.980	25.462.208	482.730.188
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	983.674.297	353.438.099	860.085.271	477.027.125
Thuế và các khoản phải nộp khác	468.960.519	7.363.586.495	77.684.189	7.754.862.825
	4.815.135.761	8.288.887.116	1.478.043.679	11.625.979.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản trích trước chi phí công trình và chi phí khác	10.544.925.193	16.302.588.009
	10.544.925.193	16.302.588.009

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	17.939.783
Bảo hiểm xã hội	3.515.207	89.069.158
Bảo hiểm y tế	47.136.584	-
Bảo hiểm thất nghiệp	21.671.342	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.525.497.155	5.525.497.155
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	59.583.785.986	61.121.957.642
<i>Công ty TNHH MTV và Dịch vụ Thanh Thủy (i)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Các đối tượng phải trả khác</i>	<i>36.583.785.986</i>	<i>38.121.957.642</i>
	65.181.606.274	66.754.463.738
b. Phải trả khác là các bên liên quan	7.363.096.900	7.062.875.900
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

Ghi chú:

- (i) Khoản phải trả Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Thủy theo hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội số 40/HĐKT ngày 14/10/2015 như đã trình bày tại thuyết minh số 13 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	70.003.356.048	70.003.356.048	50.373.160.661	60.361.493.846	60.015.022.863	60.015.022.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (i)		66.123.616.611	50.068.638.267	60.361.493.846	55.830.761.032	55.830.761.032
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội (ii)	24.000.000	24.000.000	174.392.394	-	198.392.394	198.392.394
Vay cá nhân	3.855.739.437	3.855.739.437	130.130.000	-	3.985.869.437	3.985.869.437
b) Vay dài hạn	-	-	219.400.458	5.511.553	213.888.905	213.888.905
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (iii)	-	-	219.400.458	5.511.553	213.888.905	213.888.905

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14/HĐTD ngày 22/01/2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (BIDV). Hạn mức cấp tín dụng là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020. Lãi suất xác định cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Tài sản của Công ty hoặc Bên thứ 3 được BIDV chấp nhận.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng vay số 1480-LAY-201100473/HĐTD ngày 30/05/2011. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng, vốn xin bảo lãnh là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của Ngân hàng.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/14/HĐTD ngày 13/11/2014, số tiền vay là 5 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư mới sản phẩm tại Khu B tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2014 là 11%/năm. Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán nhà văn phòng số 233/HĐMB/SĐ-HĐ ngày 29/09/2014, giá trị căn nhà là 8.923.090.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	45.450.000.000	4.498.950.000	(4.787.332.019)	45.161.617.981
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	273.003.315	273.003.315
Tại ngày đầu năm nay	45.450.000.000	4.498.950.000	(4.514.328.704)	45.434.621.296
Lợi nhuận trong năm	-	-	(15.141.730.012)	(15.141.730.012)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	45.450.000.000	4.498.950.000	(19.656.058.716)	30.292.891.284

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	23.700.930.000	23.700.930.000
Các cổ đông khác	21.749.070.000	21.749.070.000
	45.450.000.000	45.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	45.450.000.000	45.450.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	45.450.000.000	45.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.545.000	4.545.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	121.503.264.834	275.690.207.442
	121.503.264.834	275.690.207.442

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	125.078.808.269	270.079.828.504
	125.078.808.269	270.079.828.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.398.236.565	886.857.000
	1.398.236.565	886.857.000

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.745.016.297	3.114.727.199
	3.745.016.297	3.114.727.199

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.923.650.315	4.558.749.147
Chi phí nhân viên	2.419.495.877	2.823.312.372
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	4.229.000	134.782.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.626.234	312.128.681
Thuế, phí và lệ phí	93.242.922	194.486.464
Chi phí dự phòng	(1.550.000.000)	(790.764.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.448.145	82.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.587.608.137	1.802.803.630

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.493.592.125	85.312.671.038
Chi phí nhân công	17.057.114.209	17.225.655.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	399.563.738	3.878.224.588
Chi phí dự phòng	(1.550.000.000)	(790.764.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.466.012.493	125.173.390.032
Chi phí bằng tiền khác	1.545.065.263	7.810.094.610
	98.411.347.828	238.609.271.643

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	3.906.374.182	3.151.987.291
Xử lý công nợ không phải trả	1.033.325.063	78.249.257
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc	2.533.044.036	1.715.509.200
Thu nhập khác	445.535.740	347.192.272
	7.918.279.021	5.292.938.020

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý vật tư, tài sản cố định	5.735.235.216	2.377.054.779
Tiền thuế và tiền phạt chậm nộp thuế	7.742.071.984	101.884.996
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	39.277.950
Các khoản khác	736.728.351	1.325.476.572
	14.214.035.551	3.843.694.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(15.141.730.012)	273.003.315
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	8.093.285.811	331.625.260
- Các khoản tiền phạt	8.093.285.811	331.625.260
- Chi phí không được khấu trừ khác		
Chuyển lỗ	-	(604.628.575)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(7.048.444.201)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Trong năm, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	9.374.878.282	2.326.434.081
Lỗ lũy kế được chuyển lỗ trong tương lai	9.374.878.282	2.326.434.081

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2020 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời hạn chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND	
2018	2019-2023	2.931.062.656	604.628.575	2.326.434.081	Chưa quyết toán thuế
2020	2021-2025	7.048.444.201	-	7.048.444.201	Chưa quyết toán thuế
		9.979.506.857	604.628.575	9.374.878.282	

32. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.141.730.012)	273.003.315
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.141.730.012)	273.003.315
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.545.000	4.545.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(3.332)	60

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)	<u>(192.188.336)</u>	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	(192.188.336)	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>1.660.642.027</u>	<u>1.660.642.027</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Phải thu khách hàng ngắn hạn	<u>14.485.950.635</u>	<u>14.485.950.635</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	7.786.383.796	7.786.383.796
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	6.493.662.439
Công ty Cổ phần Tư vấn và thiết kế xây dựng Vinaincon	205.904.400	205.904.400
Phải thu khác ngắn hạn	<u>97.922.880</u>	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	97.922.880	-
Phải trả người bán ngắn hạn	<u>4.593.255.000</u>	<u>6.342.895.208</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	-	1.749.640.208
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	4.593.255.000	4.593.255.000
Phải trả khác	<u>7.363.096.900</u>	<u>7.062.875.900</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	4.363.096.900	4.062.875.900
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	3.000.000.000	3.000.000.000
Người mua trả tiền trước	<u>3.709.145.991</u>	<u>3.709.145.991</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.433.129.345	1.433.129.345
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	2.276.016.646	2.276.016.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc	437.540.000	482.821.715
	437.540.000	482.821.715

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động đối với tình hình kinh tế - xã hội, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công và chi phí nhân công. Những thay đổi về giá nguyên vật liệu thi công, chi phí nhân công có thể ảnh hưởng đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền là 10,9 tỷ đồng, do đó có thể phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại hai Xí nghiệp này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 13, Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội chưa đủ điều kiện chuyên nhượng dự án theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó trong tương lai nếu dự án không được cấp phép chuyển nhượng thì Công ty có thể sẽ không thu hồi được lợi ích tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chủ yếu là tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất) đã phát sinh.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng



Dương Quang Hưng
Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hai Phong Office

4th Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn